

Số: 449 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/01/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 39/TTr-STC ngày 31/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2024, cụ thể như sau:

1. Trả nợ khối lượng thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2021 còn thiếu, số tiền: 7.760,084 triệu đồng, cụ thể:

- Bổ sung mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã và thành phố để cấp kinh phí cho các BQL rừng phòng hộ chi trả cho các hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng, khoán khoán nuôi tái sinh rừng năm 2021, số tiền: 5.343,294 triệu đồng.

- Cấp kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng năm 2021 cho Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, số tiền: 2.416,790 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 kèm theo)

2. Phân bổ đủ kinh phí thực hiện khoán bảo vệ rừng, khoán khoán nuôi tái sinh rừng năm 2024 là 13.935,421 triệu đồng; trong đó:

- Bổ sung mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã và thành phố để cấp kinh phí cho các BQL rừng phòng hộ, số tiền: 13.735,146 triệu đồng.

- Cấp kinh phí cho Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, số tiền: 200,275 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 02 kèm theo)

3. Bổ sung dự toán năm 2024 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ban quản lý rừng đặc dụng An Toàn) để thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2024, số tiền: 1.625,734 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2.

- Giao Sở Tài chính lập thủ tục phân bổ khoản kinh phí nêu tại Điều 1 cho các địa phương, đơn vị theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xem xét bổ sung kinh phí còn thiếu của năm 2024 cho địa phương để thực hiện Chương trình như đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 39/TTr-STC ngày 31/01/2024.

- Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo sử dụng khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng các huyện Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng thị xã Hoài Nhơn; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn, Giám đốc Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh, Giám đốc Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (20b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục: 01

**KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH RỪNG VÀ
HỖ TRỢ BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT LÀ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG THỜI GIAN ĐÓNG
CỬA RỪNG NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Số tiền
	Tổng cộng	7.760,084
I	KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH RỪNG NĂM 2021	5.343,294
1	UBND huyện Phù Tây Sơn	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	598,536
2	UBND huyện Phù Cát	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ, đặc dụng huyện Phù Cát	2.447,566
3	UBND huyện Phù Mỹ	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	1.223,066
4	UBND huyện Hoài Nhơn,	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	470,648
5	UBND huyện Vân Canh	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Vân Canh	398,569
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh	117,810
7	Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn	87,099
II	HỖ TRỢ BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT LÀ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG THỜI GIAN ĐÓNG CỬA RỪNG NĂM 2021	2.416,790
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn	825,631
2	Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh	1.591,159

Phụ lục 02
KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH RỪNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Kinh phí thực hiện		Ghi chú
		Khối lượng (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	43.419,010	13.935,421	
A	Khoản bảo vệ rừng	43.335,410	12.998,678	
1	Chuyển tiếp	43.079,770	12.923,931	
2	Mới	255,640	74,747	
a	Kinh phí khoán	255,640	70,855	
b	Kinh phí lập hồ sơ	77,840	3,892	
B	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	83,600	25,080	
1	Chuyển tiếp	83,600	25,080	
C	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		911,663	
I	UBND huyện Hoài Ân		2.040,520	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Hoài Ân		2.040,520	
1	Kinh phí Khoản bảo vệ rừng		1.907,028	
a	Chuyển tiếp	6.356,760	1.907,028	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		133,492	
II	UBND huyện Hoài Nhơn		692,577	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn		692,577	
1	Kinh phí Khoản bảo vệ rừng		629,268	
a	Chuyển tiếp	1.919,760	575,928	
b	Mới	177,800	53,340	
-	Kinh phí khoán	177,800	53,340	
2	Kinh phí Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng		18,000	
a	Chuyển tiếp	60,000	18,000	
3	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		45,309	
III	UBND huyện Phù Mỹ		1.794,441	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ		1.794,441	
1	Kinh phí Khoản bảo vệ rừng		1.677,048	
a	Chuyển tiếp	5.565,830	1.669,749	
b	Mới	26,540	7,299	
-	Kinh phí khoán	26,540	5,972	
-	Kinh phí lập hồ sơ khoán	26,540	1,327	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		117,393	
IV	UBND huyện Phù Cát		3.524,134	
	Dự án BV và PTR phòng hộ, đặc dụng huyện Phù Cát		3.524,134	

TT	Hạng mục	Kinh phí thực hiện		Ghi chú
		Khối lượng (ha)	Thành tiền (triệu đồng)	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	43.419,010	13.935,421	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		3.293,583	
a	Chuyển tiếp	10.978,610	3.293,583	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		230,551	
V	UBND huyện Phù Tây Sơn		2.511,388	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Tây Sơn		2.511,388	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		2.347,092	
a	Chuyển tiếp	7.823,640	2.347,092	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		164,296	
VI	UBND huyện Phù Vĩnh Thạnh		1.613,770	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh		1.613,770	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		1.508,196	
a	Chuyển tiếp	5.027,320	1.508,196	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		105,574	
VI	Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn		200,275	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		187,173	
a	Chuyển tiếp	623,910	187,173	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		13,102	
VII	UBND huyện Vân Canh		797,139	
	Dự án BV và PT rừng phòng hộ huyện Vân Canh		797,139	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		744,990	
a	Chuyển tiếp	2.483,300	744,990	
2	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		52,149	
VII	UBND thành phố Quy Nhơn		761,177	
	Dự án BV và PTR phòng hộ, cảnh quan TP. Quy Nhơn và vùng lân cận		761,177	
1	Kinh phí Khoán bảo vệ rừng		704,300	
a	Chuyển tiếp	2.300,640	690,192	
b	Mới	51,300	14,108	
-	Kinh phí khoán	51,300	11,543	
-	Kinh phí lập hồ sơ khoán	51,300	2,565	
2	Kinh phí Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng		7,080	
a	Chuyển tiếp	23,600	7,080	
3	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu (7%)		49,797	

Ghi chú: (Điều 3 - Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính)

- Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân: 300.000 đồng/ha/năm;
- Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng: 50.000 đồng/ha/5 năm;
- Kinh phí quản lý, kiểm tra nghiệm thu: 7% trên tổng kinh phí khoán BVR và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng

Phụ lục: 03
HỖ TRỢ BẢO VỆ RỪNG TỰ NHIÊN LÀ RỪNG ĐẶC DỤNG, HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÙNG ĐỆM CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG AN TOÀN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Kinh phí thực hiện	
		Diện tích/thôn	Số tiền (triệu đồng)
	Tổng cộng		1.625,734
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		1.625,734
	Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn		1.625,734
1	Hỗ trợ quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng	14.657,34 ha	1.225,734
2	Hỗ trợ đầu tư 10 cộng đồng dân cư thôn bản vùng đệm để đồng quản lý rừng đặc dụng	10 thôn	400,000